

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index phá vỡ biên giao dịch hẹp 1275.0 - 1285.0. Kết phiên, thị trường đóng cửa tại mốc 1293.71 điểm, tăng +0.79% so với đóng cửa phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 13/18 ngành tăng điểm, trong đó, ngành Hoá chất dẫn đầu đà tăng, theo sau là các nhóm ngành Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Dầu khí. Về giao dịch của khối ngoại, đà bán ròng vẫn tiếp tục diễn ra với giá trị khoảng hơn 460 tỷ đồng trên cả ba sàn. VN-Index tăng điểm dần kết hợp với sự gia từ khối lượng giao dịch, điều này cho thấy xu hướng tăng đang được củng cố, tuy nhiên, vùng 1300 điểm là vùng kháng cự mạnh, do đó, các nhà đầu tư vẫn nên thận trọng giao dịch.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 09/07/2024, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+10.15** điểm, đóng cửa tại **1293.71** điểm. HNX-Index **+2.51** điểm, đóng cửa tại **245.66** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+1.53)**, **VCB (+1.25)**, **BID (+0.71)**, **VPB (+0.70)**, **HDB (+0.63)**.
- Kéo chỉ số giảm: **FPT (-0.74)**, **HVN (-0.55)**, **LPB (-0.19)**, **PLX (-0.16)**, **TCB (-0.09)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,158** tỷ đồng, tăng **15.02%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **21,781** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **10.53** điểm. Thị trường có **295** mã tăng, **63** mã tham chiếu, **155** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-463.45** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FPT (-679.97 tỷ)**, **MSN (-156.30 tỷ)**, **VRE (-92.20 tỷ)**, **TCB (-83.06 tỷ)**, **MWG (-82.51 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **5.87** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.56%**. Các mã diễn biến tích cực: **PNJ (+3.46%)**, **PVS (+2.33%)**, **MBB (+1.98%)**.
- BSC50 **+1.50%**. Các mã diễn biến tích cực: **CSV (+6.94%)**, **PC1 (+6.94%)**, **PLC (+4.81%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.56%	1.50%	0.79%	0.45%
1 tuần	1.86%	1.52%	1.08%	1.53%
1 tháng	0.55%	0.68%	1.05%	0.56%
3 tháng	7.65%	6.21%	3.36%	4.55%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,293.71	245.66	99.25
% 1D	0.79%	1.03%	0.68%
GTGD (tỷ VND)	20,158	1,558	1,337
%1D	15.02%	14.63%	19.85%
GDNN (tỷ VND)	-463.45	5.87	-4.45

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HDB	572.29	FPT	-679.97
TNH	139.51	MSN	-156.30
VPB	69.12	VRE	-92.20
PC1	50.77	TCB	-83.06
BID	45.83	MWG	-82.51

Thị trường thế giới

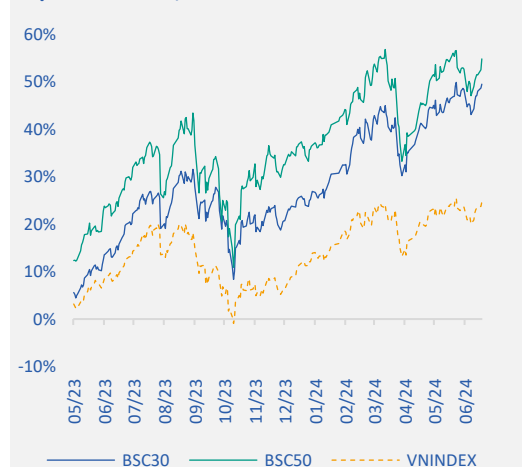
	%D	%W	
SPX	5,573	0.10%	2.06%
FTSE100	8,207	0.17%	1.06%
Eurostoxx	4,957	-0.28%	1.05%
Shanghai	2,959	1.26%	-1.26%
Nikkei	41,651	1.92%	3.88%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	85.72	-0.03%
Giá vàng	2,370	0.63%
Tỷ giá		
USD/VND	25,454	0.00%
EUR/VND	28,305	0.12%
JPY/VND	158	0.22%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	0.01%
LS LNH 1M	4.6%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



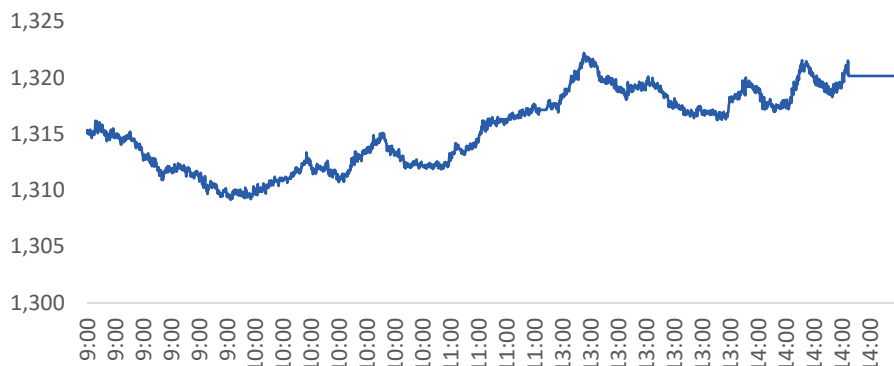
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1323	0.92%	114	78.13%	9/19/2024	72
VN30F2412	1325	0.62%	65	150.0%	12/19/2024	163
VN30F2407	1320.5	0.49%	245797	35.96%	7/18/2024	9
VN30F2408	1320.8	0.46%	764	111.63%	8/15/2024	37

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +5.95 điểm, đóng cửa tại 1321.78 điểm. Biên độ dao động 13.06 điểm. Các cổ phiếu như HDB, VPB, MBB, HPG, VCB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 kết phiên dưới tham chiếu. Thanh khoản thị trường dưới ngưỡng MA20 cho thấy tâm lý thận trọng vẫn tiếp tục bao trùm thị trường. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2409, VN30F2407,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CPOW2315	1/6/2025	181	592,600	-68.07%	1.35	1,770	11.3%	6.99	4.89	15.30	15.30
CMBB2315	1/9/2025	184	1,176,000	-68.72%	1.96	1,350	5.5%	5.43	7.24	23.15	23.15
CTCB2309	9/25/2024	78	38,300	-28.77%	3.39	4,550	3.4%	6.87	16.63	23.35	23.35
CACB2304	9/25/2024	78	100	-69.33%	1.93	2,190	3.3%	8.88	7.45	24.30	24.30
CVIB2306	8/23/2024	45	22,600	-65.95%	1.61	3,010	2.7%	10.49	7.29	21.40	21.40
CTCB2310	10/9/2024	92	130,000	-25.99%	3.39	1,790	2.3%	2.58	17.28	23.35	23.35
CTCB2312	7/15/2024	6	2,100	-21.54%	3.16	5,210	2.0%	6.94	18.32	23.35	23.35
CACB2306	7/22/2024	13	326,800	-68.54%	1.85	2,300	1.8%	8.91	7.65	24.30	24.30
CHPG2342	11/21/2024	135	65,600	-62.70%	2.18	950	1.1%	2.95	10.82	29.00	29.00
CMBB2318	9/23/2024	76	79,100	-66.19%	1.76	1,550	0.6%	5.47	7.83	23.15	23.15
CMWG2314	1/9/2025	184	1,093,200	-63.02%	5.20	1,950	-0.5%	6.17	24.70	66.80	66.80
CFPT2317	11/21/2024	135	329,400	-49.56%	10.10	3,950	-1.5%	8.51	69.35	137.50	137.50
CMWG2316	8/23/2024	45	10,300	-63.62%	4.80	3,250	-1.5%	10.34	24.30	66.80	66.80
CMWG2318	7/22/2024	13	11,500	-56.71%	4.20	4,120	-1.9%	10.43	28.92	66.80	66.80
CMWG2313	8/9/2024	31	87,700	-66.29%	5.00	2,920	-2.0%	10.30	22.52	66.80	66.80
CFPT2316	7/22/2024	13	26,000	-38.69%	8.20	7,610	-2.3%	12.93	84.30	137.50	137.50
CTCB2307	8/5/2024	27	300	-21.25%	3.30	3,890	-2.8%	5.17	18.39	23.35	23.35
CFPT2310	8/5/2024	27	1,400	-39.57%	8.45	9,440	-3.4%	16.32	83.10	137.50	137.50
CFPT2313	8/9/2024	31	93,700	-49.38%	10.00	5,960	-4.0%	12.75	69.60	137.50	137.50
CFPT2314	1/9/2025	184	448,500	-46.18%	10.00	6,400	-4.0%	12.77	74.00	137.50	137.50

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 09/07/2024, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CVIC2308 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 60.00%. CFPT2314 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.47%.
- CTCB2307, CTCB2312, CTCB2310, CTCB2309, và CFPT2316 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2310, CFPT2318, CMWG2401, CVNM2404, và CMWG2404 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HDB	25.25	3.48%	1.98
VPB	19.40	1.84%	1.77
MBB	23.15	1.98%	1.37
HPG	29.00	0.69%	0.67
VCB	88.10	1.03%	0.58

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	137.50	-1.50%	-2.32
MWG	66.80	-0.30%	-0.24
TCB	23.35	-0.43%	-0.24
VNM	67.50	-0.15%	-0.09
PLX	46.00	-1.08%	-0.07

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	38.00	4.11%	1.53	4.00
VCB	88.10	1.03%	1.25	5.59
BID	47.50	1.06%	0.71	5.70
VPB	19.40	1.84%	0.70	7.93
HDB	25.25	3.48%	0.63	2.91

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	137.50	-1.50%	-0.74	1.46
HVN	34.55	-2.95%	-0.55	2.21
LPB	31.95	-0.93%	-0.19	2.56
PLX	46.00	-1.08%	-0.16	1.27
TCB	23.35	-0.43%	-0.09	3.52

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	44.20	2.79%	0.42	0.48
VCS	78.50	3.29%	0.29	0.16
HUT	17.60	2.33%	0.26	0.89
LAS	28.30	9.69%	0.22	0.11
SHS	17.70	1.72%	0.18	0.81

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NTP	56.40	-1.40%	-0.07	0.13
PGS	31.00	-6.06%	-0.07	0.05
TIG	15.20	-3.18%	-0.07	0.19
KSV	36.20	-1.09%	-0.06	0.20
PMC	80.10	-8.46%	-0.05	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CSV	38.50	6.94%	0.07	0.84
VIP	15.40	6.94%	0.02	3.33
PC1	31.60	6.94%	0.16	13.77
BFC	43.95	6.93%	0.04	0.89
CSM	16.25	6.91%	0.03	0.22

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BTT	34.00	-6.85%	-0.01	0.00
PMG	7.40	-6.33%	-0.01	0.00
SVC	27.25	-6.03%	-0.03	0.00
DXS	6.20	-5.92%	-0.05	5.81
NVT	9.80	-5.77%	-0.01	0.03

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
LAS	44.30	9.93%	0.20	0.01
PIA	28.30	9.69%	1.16	4.02
SPC	31.70	9.69%	0.04	0.00
VE3	10.20	9.68%	0.04	0.00
VTZ	8.00	9.59%	0.00	0.00

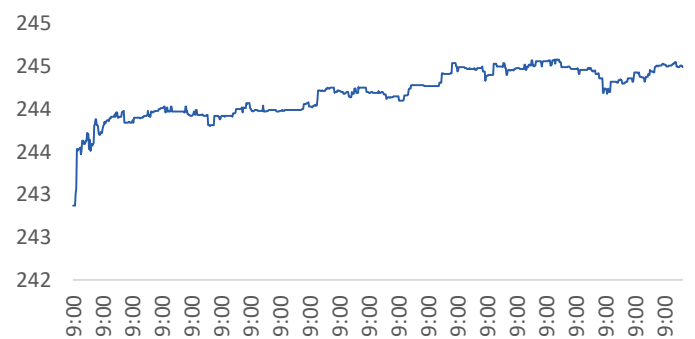
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TPH	11.20	-9.68%	-0.01	0.00
SJ1	11.30	-9.60%	-0.10	0.00
THS	10.50	-9.48%	-0.01	0.00
CCR	13.60	-9.33%	-0.12	0.00
PMC	80.10	-8.46%	-0.24	0.00

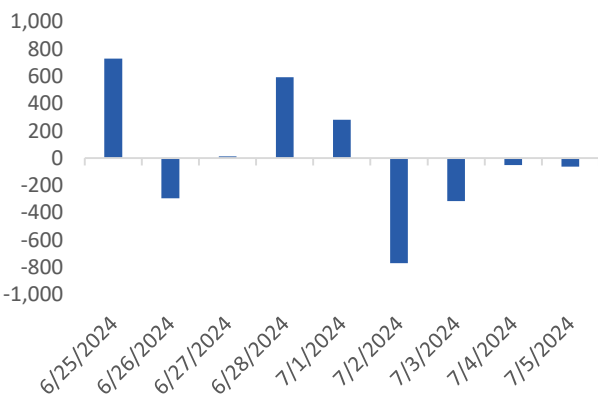
Hình 1
HSX-Index Intraday



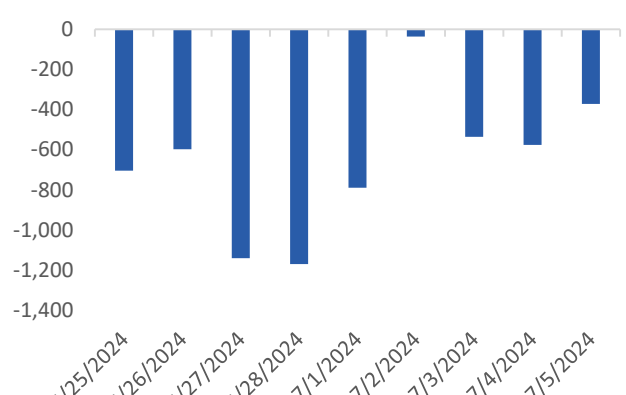
Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	88.1	1.00%	0.6	19,377	5.4	5,838	15.1	-	23.2%	Link
BID	Ngân hàng	47.5	1.10%	1.1	10,655	4.8	3,841	12.4	-	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	19.4	1.80%	1.0	6,057	24.4	1,397	13.9	-	26.8%	Link
TCB	Ngân hàng	23.4	-0.40%	1.1	6,473	10.5	5,600	4.2	-	22.2%	Link
MBB	Ngân hàng	23.2	2.00%	1.0	4,834	12.2	3,818	6.1	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.4	0.70%	1.1	2,252	13.2	4,206	7.2	-	23.1%	Link
CTG	Ngân hàng	32.7	0.30%	1.2	6,910	6.1	3,751	8.7	-	26.2%	Link
ACB	Ngân hàng	24.3	0.20%	0.8	4,271	7.6	4,072	6.0	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	34.6	0.30%	1.2	2,058	13.7	1,704	20.3	-	42.9%	Link
IDC	Xây dựng	62.5	0.80%	1.2	812	3.5	5,880	10.6	65,700	24.2%	Link
HPG	VLXD	29.0	0.70%	1.1	7,299	25.7	1,601	18.1	41,500	24.6%	Link
HSG	VLXD	25.2	-0.60%	1.7	611	12.7	1,423	17.7	25,300	21.0%	Link
VHM	BĐS	38.3	0.80%	1.1	6,563	12.4	5,074	7.5	108,300	16.1%	Link
KDH	BĐS	37.5	0.80%	1.4	1,180	3.9	726	51.7	44,500	39.4%	Link
NLG	BĐS	43.4	-1.60%	1.4	657	4.0	1,040	41.7	-	48.2%	Link
DGC	Hóa chất	128.0	0.50%	1.4	1,913	12.2	7,845	16.3	115,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	40.4	0.70%	1.3	842	9.2	2,313	17.5	38,700	8.5%	Link
GAS	Dầu khí	79.0	0.40%	0.6	7,140	4.8	4,688	16.9	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	44.2	2.80%	1.1	831	9.9	1,992	22.2	57,000	21.0%	Link
PVD	Dầu khí	30.6	0.80%	1.3	668	3.5	1,200	25.5	38,400	16.5%	Link
POW	Dầu khí	15.3	1.70%	0.7	1,410	14.4	350	43.8	17,100	4.3%	Link
VHC	Thủy sản	73.9	1.00%	1.1	653	2.5	3,774	19.6	108,500	29.8%	Link
GMD	Logistics	85.0	1.20%	0.8	1,038	7.9	8,430	10.1	90,400	47.6%	Link
VNM	Bán lẻ	67.5	-0.10%	0.7	5,551	13.4	4,408	15.3	93,100	50.0%	Link
MSN	Bán lẻ	76.5	0.40%	1.3	4,554	18.0	215	355.2	110,000	29.0%	Link
MWG	Bán lẻ	66.8	-0.30%	1.4	3,843	21.0	717	93.1	-	47.3%	Link
PNJ	Bán lẻ	98.7	3.50%	1.0	1,299	15.4	5,860	16.8	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	65.3	0.30%	1.7	429	4.3	2,200	29.7	66,600	23.9%	Link
FPT	Bán lẻ	137.5	-1.50%	1.0	7,902	52.4	5,335	25.8	107,900	46.2%	Link
CTR	Hạ tầng	145.5	-1.40%	1.2	655	1.9	4,582	31.8	-	10.9%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	25.2	3.50%	0.9	2,894	14.6	3,809	6.6	1.6	17.6%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.4	0.50%	1.1	2,136	3.4	3,315	6.5	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	17.9	0.80%	1.2	1,551	5.5	2,050	8.7	1.2	28.2%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.6	0.00%	1.2	1,145	2.1	2,310	6.3	0.9	29.2%	16.0%
EIB	Ngân hàng	18.9	0.50%	1.0	1,295	7.5	1,147	16.5	1.4	3.0%	10.1%
HCM	Chứng khoán	28.0	2.40%	1.6	776	8.3	1,175	23.8	2.3	45.0%	8.3%
VCI	Chứng khoán	48.0	1.70%	1.7	835	8.0	1,409	34.1	2.6	18.9%	7.1%
VND	Chứng khoán	16.6	1.20%	1.5	991	5.5	2,057	8.0	1.2	13.0%	13.1%
BSI	Chứng khoán	49.5	-5.50%	1.7	395	1.4	2,208	22.4	2.1	39.8%	9.0%
SHS	Chứng khoán	17.7	1.70%	1.7	566	7.5	1,076	16.5	1.4	9.4%	5.7%
CTD	Xây dựng	74.3	2.20%	1.2	292	4.3	2,709	27.4	0.9	46.8%	2.3%
HHV	Xây dựng	12.7	0.80%	1.5	206	1.6	833	15.2	0.6	8.2%	4.2%
LCG	Xây dựng	11.6	2.20%	1.6	88	1.0	655	17.7	0.9	2.2%	4.6%
SZC	Xây dựng	40.9	0.00%	1.2	290	1.4	1,515	27.0	2.5	3.1%	13.4%
SIP	Xây dựng	92.2	-0.80%	1.4	660	1.6	5,701	16.2	4.4	1.5%	26.9%
PHR	BDS KCN	64.1	2.20%	1.0	342	2.3	3,448	18.6	2.3	18.4%	18.3%
DIG	BDS	26.5	0.60%	1.7	636	7.4	(38)	-690.3	2.1	4.2%	2.1%
CEO	BDS	16.7	0.60%	1.3	338	1.8	312	53.6	1.5	4.7%	2.4%
KBC	BDS KCN	29.0	1.40%	1.5	874	3.7	1,262	22.9	1.2	20.5%	11.7%
VGC	BDS KCN	53.4	1.10%	1.1	942	0.7	2,746	19.4	2.9	5.1%	12.5%
GVR	BDS KCN	38.0	4.10%	1.4	5,981	12.2	628	60.5	3.0	0.5%	6.2%
NKG	VLXD	25.4	0.60%	1.6	263	4.8	1,222	20.8	1.2	14.9%	2.3%
BMP	Vật liệu	98.3	0.30%	1.0	317	1.0	11,594	8.5	2.8	83.5%	39.1%
IJC	Hạ tầng	15.6	2.30%	1.5	232	2.9	865	18.0	1.3	4.6%	10.3%
DXG	BDS	14.4	0.30%	1.7	410	4.7	420	34.4	1.0	19.3%	1.1%
VRE	Bất động sản	20.5	1.00%	1.2	1,833	8.5	1,966	10.4	1.2	25.0%	12.4%
PDR	Bất động sản	23.3	1.10%	1.7	801	3.7	964	24.2	1.8	8.0%	7.2%
DIG	Bất động sản	26.5	0.60%	1.7	636	7.4	(38)	-690.3	2.1	4.2%	2.1%
HUT	Xây dựng	17.6	2.30%	1.3	618	2.0	73	240.9	1.6	1.5%	0.7%
C4G	Xây dựng	9.9	1.00%	1.4	-	0.3	433	22.9	0.9	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	38.5	6.90%	1.7	167	1.3	4,370	8.8	1.2	4.0%	16.1%
DHC	Hóa chất	40.4	0.00%	1.2	128	0.5	3,461	11.7	1.7	40.0%	17.2%
DRC	Cao su	36.5	0.70%	0.8	171	2.2	2,286	16.0	2.3	13.3%	13.2%
PC1	Điện	31.6	6.90%	1.3	387	17.1	651	48.5	1.9	10.1%	4.1%
HDG	BDS	30.5	-0.30%	1.3	404	7.8	2,061	14.8	1.5	15.9%	12.9%
GEX	Điện	23.7	3.90%	1.8	794	17.9	625	37.9	1.6	8.9%	4.1%
QTP	Điện	17.0	1.80%	0.5	-	0.8	1,549	11.0	1.4	1.3%	10.8%
PLX	O&G	46.0	-1.10%	1.0	2,300	3.6	2,570	17.9	2.2	17.7%	10.7%
BSR	O&G	23.9	3.00%	1.2	-	14.2	2,588	9.2	1.3	0.7%	15.6%
PLC	O&G	28.3	4.80%	1.5	90	0.4	1,112	25.5	1.7	0.3%	8.4%
ANV	Thủy sản	35.2	3.80%	1.4	185	8.0	(252)	-139.6	1.6	0.8%	1.5%
PTB	Gỗ	73.4	0.70%	0.6	193	0.5	4,765	15.4	1.8	24.9%	10.6%
VSC	Logistics	22.3	-0.20%	1.3	234	4.8	532	41.9	2.0	2.8%	6.2%
HAH	Logistics	45.8	-1.00%	1.2	219	12.2	3,081	14.9	1.8	11.2%	12.1%
VTP	Logistics	86.8	0.60%	1.5	416	2.1	2,980	29.1	6.5	7.4%	25.6%
DBC	Logistics	36.5	3.10%	1.7	348	19.1	1,729	21.1	1.9	11.8%	0.5%
FRT	Bán lẻ	181.9	-0.60%	0.7	975	4.7	(2,215)	-82.1	14.7	36.0%	11.8%
QNS	Bán lẻ	50.0	1.00%	0.6	-	1.7	6,737	7.4	2.0	15.1%	27.3%
TNG	Dệt may	27.7	-1.40%	1.2	124	3.6	1,981	14.0	1.8	18.9%	12.5%
PVT	O&G	30.5	-0.70%	1.0	427	3.3	3,150	9.7	1.4	14.2%	14.3%
DPM	Phân bón	38.5	-0.90%	1.3	593	7.6	1,372	28.1	1.3	8.5%	4.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 04/2024_SBV chủ động thực hiện các biện pháp ổn định tỷ giá và lãi suất	x		Click
2	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639